

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **204/2023/DS-PT**

Ngày 30-9-2023

V/v: “Tranh chấp Hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nhân

Các Thẩm phán:

Ông Bùi Văn Bình

Bà Đinh Thị Quý Chi

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Phương Tuyết-Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Ông Lê Văn Quang-Kiểm sát viên

Trong các ngày 25, 30 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2023/TLPT- DS ngày 12 tháng 6 năm 2023 về việc “*Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu*”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2023/QĐXXPT-DS ngày 04 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà **Trương Thị H**, sinh năm 1961 “có mặt”

2. Bà **Đoàn Thị Ngọc S**, sinh năm 1980 “có mặt”

Ủy quyền tham gia tố tụng cho bà **Vương Minh C**, sinh năm 1954 và bà **Võ Thị H**, sinh năm 1975

3. Bà **Võ Thị Lan C**, sinh năm 1961 “có mặt”

4. Ông **Đoàn Văn T**, sinh năm 1960 “có mặt”

Ủy quyền tham gia tố tụng cho đồng nguyên đơn bà **Võ Thị Lan C**

Tất cả cùng nơi cư trú tại địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước

- *Bị đơn:*

1. Bà **Tạ Thị Ánh H**, sinh năm 1983 “có mặt”

2. Ông **Mai Xuân C**, sinh năm 1979 “vắng mặt”

Cùng nơi cư trú tại địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước

Ông **Mai Xuân C** uỷ quyền tham gia tố tụng cho bà **Vũ Thị S**, sinh năm 1992 “có mặt”

Nơi cư trú tại địa chỉ: Ấp 4, xã A, huyện L, tỉnh Bình Phước

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1972 “có mặt”

2. Ông **Bùi Quốc M**, sinh năm 1966 “vắng mặt”

Cùng nơi cư trú tại địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước

Đều uỷ quyền tham gia tố tụng cho ông **Lê Hồng P**, sinh năm 1968 “có mặt”

Nơi cư trú tại địa chỉ: Khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước

3. **Chi cục Thi hành án Dân sự huyện P, tỉnh Bình Phước**

Trụ sở tại địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Văn T**, chức vụ: Chi cục trưởng “vắng mặt”

Uỷ quyền tham gia tố tụng cho bà **Chu Thị T**-Chấp hành viên “vắng mặt”

4. **Văn phòng Công chứng N**, nay là **Văn phòng Công chứng P**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Thanh N**-Trưởng Văn phòng “vắng mặt”

Trụ sở tại địa chỉ: đường ĐT 741, khu phố 3, phường B, thị xã P, tỉnh Bình Phước

- *Người kháng cáo:* Các nguyên đơn bà Trương Thị H, Đoàn Thị Ngọc S, Võ Thị Lan C và bị đơn bà Tạ Thị Ánh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại các quyết định số 48/2018/QĐST-DS, số 49/2018/QĐST-DS cùng ngày 17 tháng 8 năm 2018 đều của Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc bị đơn bà Tạ Thị Ánh H có nghĩa vụ trả tiền cho các nguyên đơn bà Trương Thị H 480.000.000 đồng, bà Đoàn Thị Ngọc S 600.000.000 đồng. Ngày 17 tháng 7 năm 2018, nguyên đơn bà Võ Thị Lan C khởi kiện các bị đơn bà Tạ Thị Ánh H, ông Mai Xuân C yêu cầu trả số tiền 1.200.000.000 đồng, đồng thời yêu cầu Tòa án nhân dân huyện P áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “*Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ*” đối với Thửa đất số 287-Tờ bản đồ số 08-Diện tích 516m², tọa lạc tại thôn L, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước (sau đây gọi tắt là Thửa đất số 287) do Ủy

ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 592945, số vào sổ cấp GCN QSDĐ: H 03762 ngày 17 tháng 4 năm 2008 cho các bị đơn bà Tạ Thị Ánh H và ông Mai Xuân C (sau đây gọi tắt là GCNQSDĐ số H 03762), được Tòa án nhân dân huyện P chấp nhận và ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/BPKCTT ngày 17 tháng 7 năm 2018 phong toả đối với Thửa đất số 287 trên. Tại Quyết định số 59/2018/QĐST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc bị đơn bà Tạ Thị Ánh H có nghĩa vụ trả cho các nguyên đơn bà Võ Thị Lan C và ông Đoàn Văn T số tiền 1.200.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền các bị đơn bà Tạ Thị Ánh H có nghĩa vụ phải trả cho các nguyên đơn bà Trương Thị H, bà Đoàn Thị Ngọc S, bà Võ Thị Lan C và ông Đoàn Văn T là 2.280.000.000 đồng. Sau khi án có hiệu lực pháp luật, các nguyên đơn bà Trương Thị H, bà Đoàn Thị Ngọc S, bà Võ Thị Lan C và ông Đoàn Văn T làm đơn yêu cầu thi hành án. Ngày 25/9/2018, Chi cục Thi hành án dân sự huyện P xác minh điều kiện thi hành án thì được biết các bị đơn bà Tạ Thị Ánh H, ông Mai Xuân C chỉ có tài sản duy nhất là Thửa đất số 287 nhưng ngày 16 tháng 7 năm 2018, giữa các bị đơn và bà Nguyễn Thị T đã thống nhất làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giả tạo thể hiện qua việc ký kết Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, số công chứng 00005066, quyển số 02-2018/TP/CC-SCC/HĐGD của Văn phòng công chứng N (sau đây gọi tắt là Hợp đồng số 00005066) đối với Thửa đất số 287 nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án về việc trả tiền còn nợ trên cho các nguyên đơn. Do đó, các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tuyên bố vô hiệu đối với Hợp đồng số 00005066 trên.

Về phía bị đơn bà Tạ Thị Ánh H, ông Mai Xuân C cũng đều thừa nhận còn nợ của các nguyên đơn bà Trương Thị H, bà Đoàn Thị Ngọc S, bà Võ Thị Lan C và ông Đoàn Văn T với tổng số tiền 2.280.000.000 đồng như yêu cầu của các nguyên đơn. Do vào tình thế không muốn mất đất, mất nhà cho việc thi hành án để trả nợ toàn bộ số tiền nêu trên cho các nguyên đơn và do các bị đơn còn nợ vay 900 triệu đồng của bà Nguyễn Thị T nên các bị đơn đã nhờ bà Nguyễn Thị T trả nợ thay cho các bị đơn số tiền 1.200.000.000 đồng tại Ngân hàng Công thương Việt Nam-Chi nhánh Bình Phước-Phòng Giao dịch Phước Bình (sau đây viết tắt là Ngân hàng) mặc dù chưa đến thời điểm đáo hạn và nhờ bà Nguyễn Thị T đứng tên trên GCNQSDĐ bằng cách thức ký kết Hợp đồng số 00005066 giả tạo trên, thực tế nhà ở, công trình và các tài sản khác gắn liền với đất thì các bị đơn đến nay vẫn đang quản lý, sử dụng và các bị đơn hiện đang trả tiền lãi hàng tháng cho bà Nguyễn Thị T đối với khoản tiền 2.300.000.000 đồng (gồm khoản nợ vay 900 triệu đồng và khoản tiền trả Ngân hàng thay 1.200.000.000 đồng và số tiền đặt cọc ghi thêm 200.000.000 đồng) nên các bị đơn đều chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ở trên và các bị đơn chấp nhận trả số tiền 2.300.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị T. Tuy nhiên, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T thì cho rằng việc các bên ký kết Hợp đồng số 00005066 là tự nguyện, đúng chủ thể, đúng đối tượng

đã được công chứng đúng quy định của pháp luật là có thật chứ không phải giả tạo nên bà Nguyễn Thị T không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn và không chấp nhận ý kiến của các bị đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện P đã quyết định:

“1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn gồm: Bà Trương Thị H, bà Đoàn Thị Ngọc S, bà Võ Thị Lan C và ông Đoàn Văn T về việc: “Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Mai Xuân C và bà Tạ Thị Ánh H với bà Nguyễn Thị T đối với thửa đất số 287, tờ bản đồ số 08, diện tích 516m², sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 03762/CNTT được Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước cấp ngày 17/4/2008 cho ông Mai Xuân C và bà Tạ Thị Ánh H do Văn phòng công chứng N (nay là Văn phòng Công chứng P) công chứng số 00005066, quyển số 02-2018/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/7/2018 vô hiệu”.

2/ Bà Nguyễn Thị T được quyền liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 592945, thửa đất số 287, tờ bản đồ số 08, diện tích 516m², sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 03762/CNTT do Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước cấp ngày 17/4/2008 cho ông Mai Xuân C, bà Tạ Thị Ánh H đã được Văn phòng công chứng Nguyễn C (nay là Văn phòng Công chứng P) công chứng số 00005066, quyển số 02-2018/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/7/2018.

3/ Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Phước tự chịu số tiền chi phí kê biên, thẩm định giá, bán đấu giá tài sản với tổng số tiền 35.183.232 đồng.”

Ngoài ra còn quyết định về án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/4/2023, các nguyên đơn bà Trương Thị H, Đoàn Thị Ngọc S, Võ Thị Lan C và ngày 3/5/2023, bị đơn bà Tạ Thị Ánh H đều có đơn kháng cáo yêu cầu sửa toàn bộ Bản án Dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tuyên bố vô hiệu Hợp đồng số 00005066 trên.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên toà:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên toà, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị không chấp nhận các yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn bà Trương Thị H, Đoàn Thị Ngọc S, Võ Thị Lan C và bị đơn bà Tạ Thị Ánh H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận Hợp đồng số 00005066 có hiệu lực.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước nhận định như sau:

[1] Vụ án này do có kháng cáo của các nguyên đơn bà Trương Thị H, Đoàn Thị Ngọc S, Võ Thị Lan C và bị đơn bà Tạ Thị Ánh H theo thủ tục phúc thẩm thuộc thẩm quyền giải quyết phúc thẩm của Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước theo Điều 38 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Xét các yêu cầu kháng cáo, thấy rằng: Tại phiên toà sơ thẩm và phúc thẩm các bị đơn bà Tạ Thị Ánh H, ông Mai Xuân C đều thừa nhận việc các bị đơn và bà Nguyễn Thị T ký kết Hợp đồng số 00005066 là giả tạo nhằm trốn tránh việc thi hành án về việc trả số tiền 2.280.000.000 đồng cho các nguyên đơn bà Trương Thị H, Đoàn Thị Ngọc S, Võ Thị Lan C, ông Đoàn Văn T. Lời thừa nhận của các bị đơn phù hợp với lời khai của các nguyên đơn, phù hợp với thực tế và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án được thu thập được có trong hồ sơ vụ án, cụ thể rõ ràng như: Giấy viết tay với tiêu đề “*Giấy bán đất*” (Bút lục 108) do bị đơn bà Tạ Thị Ánh H ghi cho bà Nguyễn Thị T có phần đầu đề ngày 09/4/2018 nhưng phần cuối lại đề ngày 16/7/2018, các Hợp đồng của Ngân hàng cho vay hạn mức số: VANGVT-069/2018-HĐCVHM/NHCT504 (Bút lục 177-180), số: VANGVT-075/2018-HĐCV/NHCT504 (Bút lục 181-190), Biên bản về việc xác minh điều kiện thi hành án của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P ngày 25/9/2018 (Bút lục 35), Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 21/12/2018 của Toà án nhân dân huyện P (Bút lục 212). Tại phiên toà phúc thẩm bà Nguyễn Thị T cũng đồng ý vô hiệu Hợp đồng trên với điều kiện bà H phải trả ngay và đầy đủ một lần cho bà T số tiền 2.300.000.000 đồng và số tiền lãi theo lãi suất của Ngân hàng là 115.000.000 đồng nhưng các bị đơn không đáp ứng được điều kiện trên nên bà Nguyễn Thị T thay đổi ý kiến và cho rằng Hợp đồng số 00005066 là có thật, không phải giả tạo nên có hiệu lực và yêu cầu được tiếp tục thực hiện theo Hợp đồng số 00005066. Như vậy, yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn, bị đơn bà Tạ Thị Ánh H là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận, sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm của Toà án cấp sơ thẩm theo hướng tuyên bố vô hiệu Hợp đồng, buộc các bên phải hoàn trả lại cho nhau những gì đã nhận. Tại phiên toà phúc thẩm, các bị đơn bà Tạ Thị Ánh H, ông Mai Xuân C có thiện chí đồng ý trả lại 2.300.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại do hợp đồng vô hiệu cho bà Nguyễn Thị T số tiền 115.000.000 đồng. Xét đây là sự tự nguyện của các bị đơn và không trái quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Các nguyên đơn bà Trương Thị H, Đoàn Thị Ngọc S, Võ Thị Lan C, ông Đoàn Văn T đều khởi kiện yêu cầu tuyên bố vô hiệu đối với Hợp đồng số 00005066 là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng Toà án cấp sơ thẩm lại xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp*

liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu” theo quy định tại khoản 11 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là không đúng nên cũng cần phải sửa đổi lại về vấn đề này cho đúng quy định của pháp luật.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị như nêu ở trên là không có căn cứ và không đúng quy định của pháp luật nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

[5.1] Án phí:

[5.1.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn được chấp nhận nên các nguyên đơn không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5.1.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của các nguyên đơn bà Trương Thị H, Đoàn Thị Ngọc S, Võ Thị Lan C và bị đơn bà Tạ Thị Ánh H đều được chấp nhận nên họ không phải chịu và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5.2] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.000.000 đồng thì các bị đơn bà Tạ Thị Ánh H, ông Mai Xuân C phải chịu và trả lại cho các nguyên đơn bà Trương Thị H, Đoàn Thị Ngọc S, Võ Thị Lan C, ông Đoàn Văn T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015,

Chấp nhận các yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn bà Trương Thị H, Đoàn Thị Ngọc S, Võ Thị Lan C và bị đơn bà Tạ Thị Ánh H,

Sửa toàn bộ Bản án Dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

2. Căn cứ các điều 116, 117, 122, 124, 407, 288, 500 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Trương Thị H, Đoàn Thị Ngọc S, Võ Thị Lan C, ông Đoàn Văn T,

Tuyên bố vô hiệu đối với Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết giữa ông Mai Xuân C, bà Tạ Thị Ánh H và bà Nguyễn Thị T được công chứng số 00005066, quyền số 02/2018/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Văn phòng công chứng N đối với Thửa đất số 287-Tờ bản đồ số 08-Diện tích 516m², tọa lạc tại thôn L, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước đã được cấp “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” số AM 592945, số vào sổ cấp GCN QSDĐ: H 03762/CNTT ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước cho bà Tạ Thị Ánh H và ông Mai Xuân C;

Buộc các bị đơn bà Tạ Thị Ánh H, ông Mai Xuân C phải có nghĩa vụ liên đới trả lại và bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị T với tổng số tiền là 2.415.000.000 đồng,

Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả lại cho các bị đơn bà Tạ Thị Ánh H, ông Mai Xuân C 01 “*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” số AM 592945, sổ vào sổ cấp GCN QSDĐ: H 03762/CNTT ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước cho bà Tạ Thị Ánh H và ông Mai Xuân C đối với Thửa đất số 287-Tờ bản đồ số 08-Diện tích 516m², tọa lạc tại thôn L, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước.

3. Về án phí và các chi phí tố tụng khác: Căn cứ các điều 147, 148, 157, 165 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các điểm a, b khoản 3 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

3.1. Về án phí:

+ Án phí dân sự sơ thẩm: Các nguyên đơn bà Trương Thị H, Đoàn Thị Ngọc S, Võ Thị Lan C, ông Đoàn Văn T không phải nộp và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 026695, 026696 cùng ngày 12 tháng 10 năm 2018; số 026746, 026747 cùng ngày 13 tháng 11 năm 2018 đều của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P. Các bị đơn bà Tạ Thị Ánh H, ông Mai Xuân C cùng phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự không có giá ngạch và 5.750.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch.

+ Án phí dân sự phúc thẩm: Các nguyên đơn bà Trương Thị H, Đoàn Thị Ngọc S, Võ Thị Lan C và bị đơn bà Tạ Thị Ánh H không phải nộp. Các nguyên đơn bà Trương Thị H, Đoàn Thị Ngọc S, Võ Thị Lan C được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016174, 0016175, 0016176 cùng ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

3.2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Buộc các bị đơn bà Tạ Thị Ánh H, ông Mai Xuân C phải cho các nguyên đơn bà Trương Thị H, Đoàn Thị Ngọc S, Võ Thị Lan C, ông Đoàn Văn T số tiền 4.000.000 đồng.

4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7

và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước;
- Toà án nhân dân huyện P;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện P;
- Những người tham gia tố tụng;
- Cổng thông tin điện tử Toà án nhân dân tối cao;
- Lưu HS, TDS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nhân